



TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỂM KỲ XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC

(Kèm theo Thông báo số 22 -TB/BTCTU, ngày 04/5/2022 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy)

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Bảo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên		Tổng điểm		Ghi chú		
		Nam	Nữ					Đối tượng	Điểm được cộng	Bảng số	Bảng chữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11 (10 = 8+10)		12		
TỔNG CỘNG: 21 HỒ SƠ XÉT TUYỂN Ở 08 VỊ TRÍ VỚI 09 CHỈ TIÊU														
I	Vị trí xét tuyển tại Ban Tổ chức Huyện ủy Nam Giang, có 01 chỉ tiêu.													
1	1	Zơ râm	Hon	12/11/1990		Tà riêng	Thị trấn Thanh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	TC 01	98,8	Người DTTS	5	103,8	Một trăm lẻ ba phẩy tám điểm	
2	2	Zơ râm	Ni		08/3/1989	Tà riêng	Xã La Dê, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	TC 02	92,5	Người DTTS	5	97,5	Chín mươi bảy phẩy năm điểm	
3	3	Chơ Rum	Thương	15/4/1992		Tà riêng	Xã La Dê, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	TC 03	-	Người DTTS	5	-	-	Không dự phỏng vấn
II Vị trí xét tuyển tại Ban Tổ chức Huyện ủy Tây Giang, có 01 chỉ tiêu.														
4	1	Alăng Thị	Lỗi		06/03/1995	Cơ tu	Xã Gari, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam	TC 04	-	Người DTTS	5	-	-	Không dự phỏng vấn
5	2	Arâl	San	06/6/1996		Cơ tu	Xã Avương, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam	TC 05	98,3	- Người DTTS. - Con bệnh binh	5	103,3	Một trăm lẻ ba phẩy ba điểm	

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên		Tổng điểm		Ghi chú		
		Nam	Nữ					Đối tượng	Điểm được cộng	Bảng số	Bảng chữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11 (10 = 8+10)		12		
III Vị trí xét tuyển tại Ban Tuyên giáo Huyện ủy Nam Giang, có 01 chỉ tiêu.														
6	1	Brao Hồng	Thắm		30/7/1991	Cơ tu	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	TG 01	58,5	Người DTTS	5	63,5	Sáu mươi ba phẩy năm điểm	
7	2	Y	Khánh		30/10/1992	Gié triêng	Xã Đắc Tôi, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	TG 02	97,3	Người DTTS	5	102,3	Một trăm lẻ hai phẩy ba điểm	
8	3	A Lăng	Kim		06/5/1986	Tà riêng	Xã Đắc Tôi, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	TG 03	-	Người DTTS	5	-	-	Không dự phỏng vấn
IV Vị trí xét tuyển tại Hội Nông dân huyện Nam Giang, có 01 chỉ tiêu.														
9	1	Coor	Toàn		21/05/1989	Cơ tu	Xã Cà Dy, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	ND 01	80,5	Người DTTS	5	85,5	Tám mươi lăm phẩy năm điểm	
V Vị trí xét tuyển tại Hội Nông dân huyện Tây Giang, có 01 chỉ tiêu.														
10	1	Bhling	Criu		02/4/1988	Cơ tu	Xã Avuong, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam	ND 02	81,3	- Người DTTS. - Con bệnh binh	5	86,3	Tám mươi sáu phẩy ba điểm	
11	2	Arâl Thị	Côn		19/5/1994	Cơ tu	Thị trấn P'rao, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	ND 03	54,3	Người DTTS	5	59,3	Năm mươi chín phẩy ba điểm	
12	3	Coor	Dúc		27/9/1993	Cơ tu	Xã Tr'hy, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam	ND 04	64,0	- Người DTTS. - Con bệnh binh	5	69,0	Sáu mươi chín điểm	

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Báo danh	Điểm phỏng vấn ³	Điểm ưu tiên		Tổng điểm		Ghi chú	
		Nam	Nữ					Đối tượng	Điểm được cộng	Bằng số	Bằng chữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11 (10 = 8+10)		12	
VI Vị trí xét tuyển tại Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện Tây Giang, có 01 chỉ tiêu.													
13	1	Abing Nhát	22/12/1996		Cơ tu	Xã Dang, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam	MT 01	61,8	Người DTTS	5	66,8	Sáu mươi sáu phẩy tám điểm	
14	2	Colâu Thái Ngọc	07/10/1992		Cơ tu	Xã Lăng, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam	MT 02	18,8	Người DTTS	5	23,8	Hai mươi ba phẩy tám điểm	
15	3	Alăng Thị Thu		22/08/1996	Cơ tu	Xã Lăng, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam	MT 03	73,5	Người DTTS	5	78,5	Bảy mươi tám phẩy năm điểm	
16	4	Pơ loong Sanh	23/12/1995		Cơ tu	Xã Tr'hy, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam	MT 04	-	Người DTTS	5	-	-	Không dự phỏng vấn
VII Vị trí xét tuyển tại Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Tây Giang, có 01 chỉ tiêu.													
17	1	Bling Thị Bốn		18/05/1996	Cơ tu	Xã Anông, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam	PN 01	82,9	Người DTTS	5	87,9	Tám mươi bảy phẩy chín điểm	
18	2	Pơ loong Thị Cưu		13/3/1994	Cơ tu	Xã Ch'ơm, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam	PN 02	99,3	Người DTTS	5	104,3	Một trăm lẻ bốn phẩy ba điểm	
VIII Vị trí xét tuyển tại Cơ quan Huyện đoàn Bắc Trà My, có 02 chỉ tiêu.													
19	1	Nguyễn Văn Quy	30/01/1994		Ca dong	Xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam	HĐ 01	53,0	Người DTTS	5	58,0	Năm mươi tám điểm	
20	2	Nguyễn Thị Tim		23/11/1996	Ca dong	Xã Trà Bui, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam	HĐ 02	55,5	- Người DTTS. - Con bệnh binh	5	60,5	Sáu mươi phẩy năm điểm	
21	3	Nguyễn Thành Đạt	10/10/1994		Ca dong	Xã Trà Ka, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam	HĐ 03	-	Người DTTS	5	-	-	Không dự phỏng vấn

Lưu ý: Điểm ưu tiên, chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm phỏng vấn.